

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 123/2023/HS-ST

Ngày: 12/5/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích Liễu**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Bạ**,
Ông **Đào Thanh Tùng**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Minh Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Bạch Thu Sương** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 189/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Anh T, sinh năm 2003 tại Khánh H; Nơi cư trú: Số 26 Hương Đ, phường Phước H, Nha T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến B, sinh năm 1976, Con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Bản án số 200/2020/HSST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/02/2021.

- Bản án số 232/2021/HSST ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số 113/2022/HSST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số 17/2023/HSST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 09 (chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác trộm cắp mà có”.

- Bản án số 95/2023/HSST ngày 06/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Phước, tỉnh Phú Yên, thuộc Bộ Công an.

Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt và có xác nhận của Trại giam Xuân Phước).

2. Phùng Quang T, sinh năm 1997 tại Khánh H; Nơi cư trú: Tổ 6 Phước L, phường Phước H, Nha T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn T, sinh năm 1964, Con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; Vợ Phạm Thị Bích Đ, sinh năm 1995, có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Bản án số 144/2013/HS-ST ngày 23/5/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 15 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/11/2013.

- Bản án số 234/2015/HS-ST ngày 12/11/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2016.

- Bản án số 17/2023/HSST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số 95/2023/HSST ngày 06/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam A2, Bộ Công an.

Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt và có xác nhận của Trại giam A2).

3. Dương Quốc B, sinh năm 1991 tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn Đá B, xã Hội H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Tấn P, sinh năm 1965, Con bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1965.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Bản án số 804/2007/HSPT ngày 24/9/2007 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/02/2010 (Phạm tội chưa đủ 18 tuổi).

- Bản án số 173/2022/HSST ngày 03/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam A2, thuộc Bộ Công an.

Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt và có xác nhận của Trại giam A2).

* *Bị hại*: Cao Nữ Trà M, sinh năm 1991

Địa chỉ: 52/3 Đồng N, phường Phước H, Nha T.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan*:

1. **Trần Vinh Q**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn 3 Ninh T, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh H.

Vắng mặt.

2. **Lương Quốc T**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 3 Ninh T, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh H.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 15/5/2021, Nguyễn Anh T rủ Phùng Quang T đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu dùng, T đồng ý. T điều khiển xe máy hiệu Honda Airblade (không nhớ biển số xe) chở Tiến đến khu vực trước nhà số 52/3 Đồng N, phường Phước H, Nha T thì phát hiện một xe máy hiệu Honda SH màu trắng xám đen, biển kiểm soát 79N1-583.93 của chị Cao Nữ Trà M đang dựng trước nhà không có ai trông coi. T ngồi trên xe Honda Airblade cảnh giới đề T dùng đoạn phá khóa xe Honda SH biển kiểm soát 79N1-583.93. Sau đó, Tiến điều khiển xe Honda Airblade đẩy T ngồi trên xe Honda SH vừa trộm được đến khu vực đường bờ kè sông Quán T, phường Phước H, Nha T, cả hai dừng lại mở cốp xe thấy không có gì bên trong và mang xe đi cất giấu tại căn nhà hoang khu vực bãi đất trống cầu sông Tắc, Nha T rồi về nhà ngủ. Sau khi phát hiện tài sản bị mất, chị M đã đăng lên mạng xã hội nhờ bạn bè tìm xe, xin chuộc lại và trình báo công an phường Phước H.

Khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, đối tượng tên T (chưa xác định được lại lịch) gọi điện thoại cho Dương Quốc B nhờ tìm xe Honda SH, biển kiểm soát 79N1-583.93 bị mất trộm, B đồng ý. Dương Quốc B gọi điện thoại hỏi Tiến có biết ai lấy trộm xe Honda SH không, T nhận là mình và T lấy nên B xin chuộc lại, T đồng ý

cho chuộc lại với giá 10.000.000 đồng. Dương Quốc B báo lại cho T biết, T gọi điện thoại cho chị M yêu cầu chuộc xe với giá 20.000.000 đồng. Chị M đồng ý rồi đưa tiền cho Trần Quang V và Lương Quốc T nhờ đi chuộc lại xe cho mình. Sau đó, Q đến khu vực ngã tư đường số 4 và đường Tố H, phường Phước H, Nha T gặp B đưa tiền cho B, B đếm được 10.000.000 đồng rồi giao xe Honda SH lại cho Q. Sau đó, B đưa 10.000.000 đồng cho T, T chia lại cho Tùng 5.000.000 đồng, cả hai đã tiêu dùng hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 298/KL-HĐĐGTS ngày 11/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Xe máy Honda SH 150i, biển kiểm soát 79N1-583.93 trị giá 17.365.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 162/CT-VKSNT ngày 02/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Anh T và Phùng Quang T theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” và Dương Quốc B theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã giữ nguyên kết luận truy tố các bị cáo Nguyễn Anh T và Phùng Quang T theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” và Dương Quốc B theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Anh T, tuyên phạt bị cáo T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phùng Quang T, tuyên phạt bị cáo T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Dương Quốc B, tuyên phạt bị cáo B từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù. Ngoài ra áp dụng thêm Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo B để tổng hợp hình phạt.

Tại các biên bản hỏi cung, biên bản lấy lời khai và các đơn xin xét xử vắng mặt, các bị cáo Nguyễn Anh T, Phùng Quang T và Dương Quốc B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, các bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt có xác nhận của Giám thị Trại giam A2 và Trại giam Xuân Phước. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, các bị cáo thể hiện hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng số 162/CT-VKSNT ngày 02/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang. Nội dung bản cáo trạng phù hợp với hành vi vi phạm của các bị cáo. Các bị cáo đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo đã có lời khai đầy đủ và rõ ràng tại Cơ quan điều tra nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả các bị cáo theo quy định tại Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự.

Ngoài ra, bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi tố tụng của những người tiến hành tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Theo cáo trạng truy tố cho thấy, tại các biên bản hỏi cung, biên bản lấy lời khai, các bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng truy tố phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ để xác định: Khoảng 02 giờ ngày 15/5/2021, tại trước nhà số 52/3 đường Đồng N, phường Phước H, thành phố Nha T, Nguyễn Anh T và Phùng Quang T có hành vi lén lút trộm cắp của chị Cao Nữ Trà M một xe máy Honda SH 150i, biển kiểm soát 79N1-583.93 trị giá 17.365.000 đồng. Cùng ngày, tại ngã tư đường số 4 và đường Tổ H, phường Phước H, Nha T, Dương Quốc B có hành vi tiêu thụ một xe máy Honda SH 150i, biển kiểm soát 79N1-583.93 biết rõ do Nguyễn Anh T và Phùng Quang T trộm cắp được mà có.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Anh T và Phùng Quang T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo Dương Quốc B đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo T và T đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo Bình biết tài sản này do trộm cắp mà có nhưng vẫn cố tình mang đi tiêu thụ. Hành vi này của các bị cáo là vi phạm pháp luật, nhưng do coi thường pháp luật, muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên vẫn cố tình

thực hiện hành vi phạm tội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương.

[4] Xét về vai trò đồng phạm của các bị cáo: Các bị cáo thực hiện tội phạm với tính chất là đồng phạm giản đơn, các bị cáo không bàn bạc trước về cách thức trộm cắp như thế nào. Bị cáo T là người rủ rê bị cáo Tiến đi trộm cắp và là người cảnh giới cho bị cáo T trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp và sau đó cùng mang tài sản trộm cắp được cho bị cáo B đi tiêu thụ. Do đó, mức hình phạt của bị cáo T và bị cáo T ngang nhau xét về vai trò đồng phạm.

[5] Xét về nhân thân của từng bị cáo: Các bị cáo có nhân thân rất xấu, bị cáo T và T có nhiều bản án xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, bị cáo B từng bị kết án về tội “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản” nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên hành vi phạm tội lần này của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại các đơn xin xét xử vắng mặt, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Phùng Quang T đã chủ động nhờ gia đình bồi thường thiệt hại một phần số tiền 4.000.000 đồng cho bị hại và được bị hại làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T nên bị cáo T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Tùng khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng mức hình phạt đối với người chưa thành niên quy định tại Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, khi căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy nên tuyên các bị cáo ở mức vừa phải của khung hình phạt cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội và thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Tại đơn yêu cầu bồi thường, bị hại Cao Nữ Trà M yêu cầu bị cáo Nguyễn Anh T, Dương Quốc B mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà M số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo Phùng Quang T tiếp tục bồi thường cho bà M số tiền 6.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của bà M là chính đáng nên cần chấp nhận. Như vậy, bị cáo T, bị cáo B mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), bị cáo T có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên cần tách ra giải quyết riêng khi có đơn yêu cầu.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173, Điều 91, Điều 101, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Anh T;

- Khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phùng Quang T;

- Khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Dương Quốc B.

[2] Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Anh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bị cáo Phùng Quang T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bị cáo Dương Quốc B 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp với mức hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù theo Bản án số 173/2022/HSST ngày 03/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang và theo Quyết định thi hành án hình phạt tù số 209/2022/QĐ-CQ ngày 04/7/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang. Buộc bị cáo Dương Quốc B phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 589, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự: Bị cáo Nguyễn Anh T và Dương Quốc B mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Cao Nữ Trà M số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*); bị cáo Phùng Quang T có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho bị hại Cao Nữ Trà M số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên cần tách ra giải quyết riêng khi có đơn yêu cầu.

[5] Về án phí: Áp dụng Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo T và bị cáo B mỗi bị cáo phải nộp 500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh H;
- VKSND tỉnh Khánh H;
- VKSND TP. Nha T;
- Chi Cục THADS TP. Nha T;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Công an TP. Nha T;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh H;
- Lưu án văn, hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Bích Liễu